

Số: 02/2020/NQ-HĐND

Tiền Giang, ngày 10 tháng 7 năm 2020

NGHỊ QUYẾT
Quy định nội dung chi, mức hỗ trợ
cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Tiền Giang

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG
KHÓA IX - KỲ HỌP THỨ 12

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về khuyến nông;

Căn cứ Thông tư số 75/2019/TT-BTC ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động khuyến nông;

Xét Tờ trình số 132/TTr-UBND ngày 28 tháng 5 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định nội dung chi, mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Tiền Giang; Báo cáo thẩm tra số 34/BC-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nội dung chi, mức hỗ trợ các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các tổ chức, cá nhân có liên quan trong thực hiện hoạt động khuyến nông và chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.
2. Cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động khuyến nông.

Chương II

NỘI DUNG CHI, MỨC HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG KHUYẾN NÔNG

Điều 3. Bồi dưỡng, tập huấn và đào tạo

1. Chi biên soạn chương trình, giáo trình, tài liệu bồi dưỡng, đào tạo, tập huấn: Mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 76/2018/TT-BTC ngày 17 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn nội dung, mức chi xây dựng chương trình đào tạo, biên soạn giáo trình môn học đối với giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp.

2. Chi thù lao giảng viên, trợ giảng; phụ cấp tiền ăn giảng viên, trợ giảng; chi phí đưa, đón, bố trí nơi ở cho giảng viên, trợ giảng; chi thù lao hướng dẫn viên tham quan, thực hành thao tác kỹ thuật: Mức chi thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐND ngày 19 tháng 4 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang quy định mức chi hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

3. Chi in ấn tài liệu, giáo trình trực tiếp phục vụ lớp học (không bao gồm tài liệu tham khảo); giải khát giữa giờ; tổ chức cho học viên đi khảo sát, thực tế; thuê hội trường, phòng học, thiết bị phục vụ học tập (nếu có); vật tư thực hành lớp học; thuê phiên dịch và biên dịch (nếu có); chi tổ chức khai giảng, bế giảng, in chứng chỉ, tiền thuốc y tế thông thường cho học viên (nếu học viên ốm); chi khác phục vụ trực tiếp lớp học:

a) Chi in ấn tài liệu (không bao gồm tài liệu tham khảo); thuê hội trường, phòng học, thiết bị phục vụ học tập (nếu có); vật tư thực hành lớp học; thuê phiên dịch và biên dịch (nếu có); chi tổ chức khai giảng, bế giảng, in chứng chỉ; chi tiền thuốc y tế thông thường cho học viên (nếu học viên ốm); chi khác phục vụ lớp học (điện, nước, thông tin liên lạc, văn phòng phẩm, vệ sinh, trông giữ xe và các khoản chi trực tiếp khác): chi theo thực tế.

b) Chi giải khát giữa giờ: 20.000 đồng/buổi;

c) Tổ chức cho học viên đi khảo sát, thực tế (nếu có):

- Chi trả phương tiện đưa đón học viên đi khảo sát, thực tế: theo hợp đồng, chứng từ chi thực tế;

- Chi hỗ trợ tiền ăn: mức chi 100.000 đồng/ngày đối với đi khảo sát ngoài tỉnh, 75.000 đồng/ngày đối với đi khảo sát trong tỉnh ra ngoài địa bàn là các huyện, thị, thành nơi cơ quan đóng trụ sở, 50.000 đồng/ngày đối với đi khảo sát trong tỉnh ra ngoài địa bàn là các xã, phường, thị trấn nơi cơ quan đóng trụ sở và có khoảng cách trên 10 km;

- Chi hỗ trợ tiền nghỉ: đi khảo sát, thực tế tại các quận thuộc thành phố trực thuộc trung ương và thành phố là đô thị loại I thuộc tỉnh: Mức chi là 600.000 đồng/ngày/phòng (Phòng tiêu chuẩn 1 người/phòng) đối với các chức danh lãnh đạo có hệ số phụ cấp chức vụ từ 1,25 đến 1,3; mức chi 500.000 đồng/ngày/phòng (Phòng tiêu chuẩn 2 người/phòng) đối với các đối tượng còn lại; đi khảo sát, thực tế tại các vùng còn lại: Mức chi là 550.000 đồng/ngày/phòng (Phòng tiêu chuẩn 1 người/phòng) đối với các chức danh lãnh đạo có hệ số phụ cấp chức vụ từ 1,25 đến 1,3; mức chi 350.000 đồng/ngày/phòng (Phòng tiêu chuẩn 2 người/phòng) đối với các đối tượng còn lại;

4. Chi hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại, nơi ở, tài liệu học trong thời gian tham dự đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng, khảo sát học tập khuyến nông cho đối tượng nhận chuyển giao công nghệ và đối tượng chuyển giao công nghệ:

a) Đối tượng chuyển giao công nghệ hưởng lương Ngân sách Nhà nước:

- Chi hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học tập (không bao gồm tài liệu tham khảo);

- Chi chỗ ở: trường hợp đơn vị tổ chức đào tạo bố trí chỗ ở cho các học viên thì đơn vị được hỗ trợ chi phí dịch vụ, gồm chi phí điện, nước, chi phí khác (nếu có); trường hợp thuê chỗ ở cho học viên thì được hỗ trợ theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 3 Nghị quyết 28/2017/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang quy định mức chi về công tác phí, chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

b) Đối tượng chuyển giao không hưởng lương Ngân sách Nhà nước; đối tượng nhận chuyển giao công nghệ là nông dân sản xuất nhỏ, nông dân thuộc diện hộ nghèo:

- Chi hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học tập (không bao gồm tài liệu tham khảo);

- Chi hỗ trợ tiền ăn: thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị quyết 28/2017/NQ-HĐND;

- Chi hỗ trợ tiền đi lại: 200.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 15 km trở lên; riêng người khuyết tật, người học cư trú ở xã thuộc vùng khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn, xã thuộc vùng bãi ngang, xã đảo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ được hỗ trợ 300.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 5 km trở lên;

- Chi thuê chỗ ở: trường hợp đơn vị tổ chức đào tạo bố trí chỗ ở cho các học viên thì đơn vị được hỗ trợ chi phí dịch vụ, gồm chi phí điện, nước, chi phí khác (nếu có); trường hợp thuê chỗ ở cho học viên thì được hỗ trợ theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 3 Nghị quyết 28/2017/NQ-HĐND.

c) Đối tượng nhận chuyển giao công nghệ là nông dân sản xuất hàng hóa, chủ trang trại, tổ viên tổ hợp tác, thành viên hợp tác xã và các cá nhân khác hoạt động sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp:

- Chi hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học tập (không bao gồm tài liệu tham khảo);

- Chi hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại, tiền thuê chỗ ở: mức chi bằng 50% mức chi đối với đối tượng nhận chuyển giao là nông dân sản xuất nhỏ, nông dân thuộc diện hộ nghèo tại điểm b khoản 4 Điều này.

d) Đối tượng nhận chuyển giao công nghệ là doanh nghiệp vừa và nhỏ trực tiếp hoạt động trong các lĩnh vực khuyến nông: chi hỗ trợ 50% chi phí tài liệu học tập (không bao gồm tài liệu tham khảo).

5. Chi khảo sát, học tập trong và ngoài nước

a) Đối với khảo sát, học tập trong nước: mức chi thực hiện theo quy định tại Điều 3 Nghị quyết số 28/2017/NQ-HĐND, riêng mức chi hỗ trợ tiền ăn áp dụng theo quy định tại khoản 4 Điều này.

b) Đối với khảo sát, học tập ngoài nước: mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 102/2012/TT-BTC ngày 21 tháng 6 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí.

Điều 4. Thông tin tuyên truyền

1. Tuyên truyền qua hệ thống truyền thông đại chúng; xuất bản tạp chí, tài liệu và các loại ấn phẩm khuyến nông; bản tin, trang thông tin điện tử khuyến nông:

a) Hàng năm, căn cứ nhu cầu và khả năng kinh phí khuyến nông dành cho hoạt động thông tin tuyên truyền, cơ quan khuyến nông xây dựng nhiệm vụ thông tin tuyên truyền khuyến nông trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Mức chi thực hiện theo hình thức hợp đồng với cơ quan tuyên truyền và cơ quan thông tin đại chúng theo phương thức đấu thầu, trường hợp đặt hàng giao nhiệm vụ thực hiện theo đơn giá được cấp thẩm quyền phê duyệt;

b) Mức chi nhuận bút cho tác phẩm (tin, bài, ảnh, thơ, clip,...) đăng trên bản tin khuyến nông, trang thông tin điện tử khuyến nông, tài liệu tuyên truyền khuyến nông và tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng:

- Đối với tin viết, trả lời bạn đọc: chi 2,0 x 10% mức tiền lương cơ sở đối với tin loại A, chi 1,5 x 10% mức tiền lương cơ sở đối với tin loại B, chi 1,0 x 10% mức tiền lương cơ sở đối với tin loại C;

- Đối với ảnh: chi 3,0 x 10% mức tiền lương cơ sở đối với ảnh loại A, chi 2,0 x 10% mức tiền lương cơ sở đối với ảnh loại B, chi 1,0 x 10% mức tiền lương cơ sở đối với ảnh loại C;

- Đối với audio, video: chi 5,0 x 10% mức tiền lương cơ sở đối với audio, video loại A, chi 3,0 x 10% mức tiền lương cơ sở đối với audio, video loại B, chi 2,0 x 10% mức tiền lương cơ sở đối với audio, video loại C;

- Đối với phóng sự, bài phỏng vấn, bài phân tích, bài nghiên cứu, bài viết theo đặt hàng của Ban Biên tập: chi 9,0 x 10% mức tiền lương cơ sở đối với nội dung bài loại A, chi 6,0 x 10% mức tiền lương cơ sở đối với nội dung bài loại B, chi 3,0 x 10% mức tiền lương cơ sở đối với nội dung bài loại C;

c) Mức chi thù lao: chi 0,5 x 10% mức tiền lương cơ sở đối với ảnh, tin, bài tổng hợp; chi 1,0 x 10% mức tiền lương cơ sở đối với tin, bài dịch xuôi; chi 1,4 x 10% mức tiền lương cơ sở đối với tin, bài dịch ngược.

2. Tổ chức diễn đàn, tọa đàm, hội thảo, tham quan học tập:

a) Nội dung chi, mức chi: thực hiện theo quy định tại Điều 4 Nghị quyết số 28/2017/NQ-HĐND;

b) Riêng mức chi chủ tọa và ban cố vấn, báo cáo viên, bồi dưỡng viết báo cáo diễn đàn, tọa đàm, hội thảo:

- Người chủ trì: 1.200.000 đồng/buổi hội thảo;
- Thư ký hội thảo: 400.000 đồng/buổi hội thảo;
- Thành viên tham gia hội thảo: 160.000 đồng/thành viên/buổi hội thảo;
- Báo cáo viên viết và trình bày tại hội thảo: 1.600.000 đồng/báo cáo;
- Báo cáo khoa học được cơ quan tổ chức hội thảo đặt hàng nhưng không trình bày tại hội thảo: 800.000 đồng/báo cáo.

3. Tổ chức hội nghị sơ kết, tổng kết khuyến nông, hội nghị giao ban khuyến nông vùng: thực hiện theo quy định tại Điều 4 Nghị quyết số 28/2017/NQ-HĐND.

4. Tổ chức hội chợ, triển lãm hàng nông nghiệp Việt Nam cấp khu vực, cấp quốc gia: chi hỗ trợ 100% chi phí thuê gian hàng, chi phí thông tin tuyên truyền hội chợ, chi phí hoạt động của Ban tổ chức.

5. Tổ chức hội thi, tuyên truyền, vận động về các hoạt động khuyến nông:

a) Chi hỗ trợ chi phí đi lại, thuê chỗ nghỉ, tiền ăn cho những người tham gia biểu diễn, thi đấu, thành viên Ban tổ chức ở xa nơi tổ chức: thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 3 của Nghị quyết này;

b) Chi bồi dưỡng thành viên Ban Giám khảo cuộc thi: 300.000 đồng/người/ngày;

c) Chi bồi dưỡng thành viên Ban Tổ chức, Ban Thư ký cuộc thi: 200.000 đồng/người/ngày;

d) Chi giải thưởng: từ 500.000 đồng đến 4.000.000 đồng/giải thưởng đối với giải tập thể, từ 200.000 đồng đến 2.000.000 đồng/giải thưởng đối với giải thưởng cá nhân.

6. Chi ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu thông tin khuyến nông: thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 19/2012/TTLT-BTC-BKHĐT-BTTTT ngày 15 tháng 02 năm 2012 của liên Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Chương trình Quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước.

Điều 5. Xây dựng và nhân rộng mô hình, dự án

1. Nội dung, quy mô, định mức kinh tế kỹ thuật xây dựng và nhân rộng mô hình, dự án thực hiện theo quy định pháp luật.

2. Chi hỗ trợ giống, thiết bị, vật tư thiết yếu:

a) Đối với mô hình trình diễn:

- Mô hình trình diễn ở địa bàn khó khăn, đặc biệt khó khăn, địa bàn bị ảnh hưởng của thiên tai, dịch hại, biến đổi khí hậu theo công bố của cấp có thẩm quyền được hỗ trợ tối đa 100% chi phí về giống, thiết bị, vật tư thiết yếu để xây dựng mô hình nhưng không quá 200 triệu đồng/mô hình;

- Mô hình trình diễn ở địa bàn bãi ngang được hỗ trợ tối đa 70% chi phí về giống, thiết bị, vật tư thiết yếu để xây dựng mô hình nhưng không quá 200 triệu đồng/mô hình;

- Mô hình trình diễn ở địa bàn đồng bằng được hỗ trợ tối đa 50% chi phí về giống, thiết bị, vật tư thiết yếu để xây dựng mô hình nhưng không quá 200 triệu đồng/mô hình;

- Mô hình ứng dụng công nghệ cao được hỗ trợ tối đa 40% tổng kinh phí thực hiện mô hình (đối với tất cả các địa bàn) nhưng không quá 400 triệu đồng/mô hình;

- Mô hình tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh nông nghiệp được hỗ trợ tối đa 100% kinh phí thực hiện mô hình nhưng không quá 100 triệu đồng/mô hình (đối với tất cả các địa bàn);

- Hỗ trợ tối đa 100% chi phí chứng nhận cơ sở sản xuất thực phẩm an toàn, cơ sở an toàn dịch bệnh khi tham gia xây dựng mô hình theo quy định hiện hành (đối với tất cả các loại mô hình) nhưng không quá 200 triệu đồng/mô hình.

b) Đối với dự án: mức hỗ trợ theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều này nhưng tổng mức hỗ trợ không quá 500 triệu đồng/dự án. Riêng dự án ứng dụng công nghệ cao: tổng mức hỗ trợ không quá 01 tỷ đồng/dự án.

3. Chi tập huấn kỹ thuật, sơ kết, tổng kết mô hình:

a) Chi tài liệu, văn phòng phẩm, vật tư thực hành, thuê hội trường, trang thiết bị phục vụ, xăng xe, thuê xe: mức chi thực hiện theo quy định hiện hành và hợp đồng với nhà cung cấp được lựa chọn;

b) Chi hỗ trợ tiền ăn theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Nghị quyết này;

c) Chi hỗ trợ tiền nước uống theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 3 Nghị quyết này;

d) Chi bồi dưỡng giảng viên, báo cáo viên (đã bao gồm biên soạn tài liệu): mức chi thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị quyết này.

4. Chi thông tin tuyên truyền, hội nghị, hội thảo, tham quan học tập nhân rộng mô hình: mức chi thực hiện theo quy định tại Điều 3, Điều 4 Nghị quyết này.

5. Chi thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình trình diễn tính bằng mức lương cơ sở/22 ngày nhân (x) số ngày thực tế thuê.

Điều 6. Tư vấn và dịch vụ khuyến nông

1. Nội dung hoạt động và phương thức tổ chức tư vấn, dịch vụ khuyến nông thực hiện theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về khuyến nông và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Mức chi

a) Đối với tư vấn thông qua đào tạo, tập huấn, diễn đàn, tọa đàm: mức chi thực hiện theo quy định tại Điều 3 và khoản 2 Điều 4 Nghị quyết này;

b) Đối với tư vấn thông qua các phương tiện truyền thông, diễn đàn, tọa đàm: mức chi thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 4 Nghị quyết này;

c) Đối với tư vấn trực tiếp, tư vấn và dịch vụ thông qua thỏa thuận, hợp đồng: mức chi thực hiện theo thỏa thuận, hợp đồng căn cứ quy định pháp luật liên quan.

Điều 7. Hợp tác quốc tế về khuyến nông

1. Nội dung hoạt động và phương thức tổ chức hợp tác quốc tế về khuyến nông, chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp thực hiện theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Mức chi

a) Mức chi thực hiện theo quy định hiện hành, theo các hiệp định, nghị định thư hoặc thỏa thuận, hợp đồng chuyển giao công nghệ giữa các tổ chức, cá nhân trong nước với các tổ chức, cá nhân nước ngoài;

b) Đón tiếp các đoàn khách nước ngoài vào làm việc: mức chi thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang quy định mức chi tiếp khách nước ngoài, chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế và mức chi tiếp khách trong nước trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

Điều 8. Nội dung chi khác

1. Thuê chuyên gia trong và ngoài nước phục vụ hoạt động khuyến nông, đánh giá hiệu quả hoạt động khuyến nông:

a) Chi thuê chuyên gia trong nước: thực hiện theo mức chi tối đa quy định tại Điều 3, Điều 4, Điều 5 Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định mức lương đối với chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở dự toán gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn áp dụng hình thức hợp đồng theo thời gian sử dụng nhà nước;

b) Chi thuê chuyên gia ngoài nước: chi theo thực tế thỏa thuận và được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Mua bản quyền tác giả, công nghệ mới phù hợp để chuyển giao gắn với chương trình, dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt: Mức chi theo hợp đồng hoặc thỏa thuận giữa các bên liên quan theo quy định pháp luật.

3. Mua sắm, sửa chữa, nâng cấp trang thiết bị phục vụ cho hoạt động khuyến nông: thực hiện theo chế độ, tiêu chuẩn, định mức và dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Quản lý nhiệm vụ khuyến nông

a) Cơ quan quản lý khuyến nông được trích 3% nguồn kinh phí khuyến nông được cấp có thẩm quyền giao dự toán trong năm để phục vụ công tác quản

lý khuyến nông, báo cáo cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nội dung và kinh phí trước khi thực hiện (cơ quan quản lý khuyến nông ở cấp tỉnh là Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, cơ quan quản lý khuyến nông ở cấp huyện, cấp xã là Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã). Nội dung chi thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 9 Thông tư số 75/2019/TT-BTC;

b) Tổ chức chủ trì và đơn vị triển khai thực hiện dự án, nhiệm vụ khuyến nông được trích 5% nguồn kinh phí khuyến nông được cấp có thẩm quyền giao dự toán trong năm để chi cho công tác tổ chức thực hiện, quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu, quyết toán và chi khác. Mức chi thực hiện theo quy định hiện hành.

5. Các khoản chi khác phục vụ hoạt động khuyến nông theo quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Nguồn kinh phí; lập, chấp hành dự toán

1. Nguồn kinh phí khuyến nông được hình thành từ các nguồn

a) Ngân sách Trung ương bố trí cho chương trình, dự án, kế hoạch khuyến nông thuộc nhiệm vụ chi của Trung ương và được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt;

b) Ngân sách địa phương bố trí cho chương trình, dự án, kế hoạch khuyến nông thuộc nhiệm vụ chi của địa phương và được Ủy ban nhân dân tỉnh, cấp huyện, cấp xã phê duyệt;

c) Thực hiện hợp đồng tư vấn và dịch vụ khuyến nông;

d) Tài trợ và đóng góp hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước;

đ) Nguồn thu hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Lập, chấp hành dự toán

Việc lập kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm và dự toán kinh phí khuyến nông hàng năm thực hiện theo quy định Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn;

Hàng năm, căn cứ vào chương trình, dự án, kế hoạch khuyến nông được cấp có thẩm quyền phê duyệt và nội dung chi, mức chi do Hội đồng nhân dân tỉnh quy định, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn lập dự toán kinh phí khuyến nông tỉnh và tổng hợp chung trong dự toán ngân sách của Sở; Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã lập dự toán kinh phí khuyến nông cấp huyện, xã theo phân cấp ngân sách và tổng hợp chung cùng thời điểm xây dựng dự toán gửi cơ

quan tài chính cùng cấp xem xét, tổng hợp vào dự toán ngân sách địa phương trình cấp có thẩm quyền theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ dự toán được giao, Ủy ban nhân dân các cấp hoặc cơ quan quản lý nhà nước về khuyến nông ở địa phương thực hiện phân bổ, giao dự toán kinh phí khuyến nông địa phương chi tiết theo đơn vị và nội dung, gửi cơ quan tài chính cùng cấp để kiểm tra theo quy định hiện hành, đồng thời gửi Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch để thực hiện. Các đơn vị dự toán trực tiếp thực hiện nhiệm vụ hoặc đặt hàng theo quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên.

Điều 10. Tổ chức thực hiện

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang Khóa IX, Kỳ họp thứ 12 thông qua ngày 10 tháng 7 năm 2020 và có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 7 năm 2020. / *Ch*

Nơi nhận:

- UB. Thường vụ Quốc hội;
- VP. Quốc hội, VP. Chính phủ;
- HĐDT và các Ủy ban của Quốc hội;
- Ban Công tác đại biểu (UBTVQH);
- Các Bộ: NN&PTNT, Tài chính, Tư pháp, Kế hoạch - Đầu tư;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Vụ Công tác đại biểu (VPQH);
- Cục Hành chính - Quản trị II (VPCP);
- Kiểm toán Nhà nước khu vực IX;
- Các đ/c UVBTV Tỉnh ủy;
- UBND, UB. MTTQ tỉnh;
- Các Sở, Ban ngành, đoàn thể tỉnh;
- ĐB. Quốc hội đơn vị tỉnh Tiền Giang;
- ĐB. HĐND tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thành, thị;
- TT. HĐND các xã, phường, thị trấn;
- Báo Ấp Bắc;
- Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Danh